

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 22 tháng 4 năm 2019  
V/v: Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Nguyễn Thị Cúc**

**2. Bà Trần Thị Thọ**

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Trà Giang*, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 840/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 22/3/2019, giữa:

- **Nguyên đơn: Anh Bùi Tuấn H**, sinh năm 1992

HKTT: Số B, phường Q, thành phố Hải Dương.

Hiện ở tại: Park B căn M Times City, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

- **Bị đơn: Chị Đặng Thị Hồng T**, sinh năm: 1989

HKTT: Thôn K, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: PB, số M ngõ T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Bùi Tuấn H:*

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/11/2018, bản tự khai ngày 02/01/2019 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Tuấn H trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Đặng Thị Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quang Trung, thành phố Hải Dương ngày X. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại PB, số M ngõ T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình sinh sống anh và chị T không có cùng quan điểm sống, không thể hòa hợp, hay cãi vã, vì con cái anh chị đã cố gắng hòa hợp nhưng không cải thiện được, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Chính vì các lẽ trên, anh đề nghị được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có một con chung là cháu Bùi Minh Trí sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016. Hiện đang sống với mẹ tại PB, số M ngõ T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Anh đồng ý để chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi cháu Trí, anh H cấp dưỡng nuôi con 5 triệu đồng/ tháng.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nhà ở chung.

- Về nợ chung: Anh và chị T không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những nội dung anh H không có yêu cầu tòa án giải quyết nội dung nào khác nữa.

## *2. Ý kiến của bị đơn là chị Đặng Thị Hồng T*

Chị Đặng Thị Hồng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo phiên họp và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và hòa giải, thông báo giao nộp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án xét xử và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng chị T không đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp, hòa giải và không nộp tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án.

*3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:*

- Tại Biên bản làm việc ngày 24/01/2019, đại diện địa phương tại tổ M phường T, quận H, thành phố Hà Nội cung cấp như sau: Anh Bùi Tuấn H và chị Đặng Thị Hồng T sau khi kết hôn ở tại PB số M ngõ T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống khoảng hơn nửa năm nay có phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng do tích cách không hợp nhau. Hiện nay, chị T và con trai sinh sống thường xuyên tại địa chỉ trên còn anh H thỉnh thoảng có về tại địa chỉ trên. Anh H và chị T có 01 con chung là Bùi Minh Trí sinh ngày 22/10/2016, hiện nay đang ở cùng chị T. Về tài sản và nhà ở: Tổ dân phố không biết. Nay anh H xin ly hôn chị T tổ dân phố mong Tòa xem xét hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Nếu không hòa giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

## *4. Tại phiên tòa:*

Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày mâu thuẫn vợ chồng anh đã trầm trọng, không thể giải quyết được nữa, do tính cách không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh xác định không còn tình

cảm với chị T, sau một thời gian sống ly thân, mỗi người ở một nơi đến nay anh xác định vợ chồng anh không thể quay lại chung sống được nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: anh H đồng ý để chị Tuyết tiếp tục nuôi con chung là cháu Bùi Minh Trí vì cháu chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, hiện cháu đang học tập và sống ổn định với chị T. Khi ly hôn anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Minh Trí mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về tài sản và nhà ở chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định như sau: kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không chung quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, xác định hôn nhân không có hạnh phúc. Anh H xin ly hôn chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H với chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung tên là cháu Bùi Minh Trí sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016, sức khỏe bình thường hiện cháu đang ở với chị T. Anh H đồng ý để chị Tuyết trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn anh H sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Minh Trí mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Anh H có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng nên giao con cho chị T nuôi là có căn cứ. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu Trí mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nguyên đơn anh Bùi Tuấn H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là chị Đặng Thị Hồng T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, chị T sinh sống tại PB, số M ngõ T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được tổng đạt các Văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Việc tổng đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng chị T không đến Tòa tham gia phiên họp và hòa giải. Tòa án căn cứ vào Điều 227 hoãn phiên tòa và tổng đã tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho chị T nhưng chị T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T.

[3]. Về nội dung:

- Về tình cảm: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày X tại UBND phường Quang Trung, thành phố Hải Dương là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh H và chị T chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị T không đến Tòa án để hòa giải. Qua đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng và không có khả năng khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối chị T.

- Về con chung: Xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Minh Trí sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016, sức khỏe bình thường, hiện đang sống với mẹ tại PB, số M ngõ T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Anh H đồng ý để chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi cháu Trí, anh H cấp dưỡng nuôi con 5 triệu đồng/ tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu Bùi Minh Trí chưa đủ 36 tháng tuổi, để ổn định cuộc sống, học tập của cháu Trí. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu Trí mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) kể từ tháng 04/2019 đến khi cháu Bùi Minh Trí đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án: Anh H là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh H phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Tuấn H đối với chị Đặng Thị Hồng T. Anh H được ly hôn chị T.

2. Về con chung: Xác nhận anh H và chị Tuyết có 01 con chung là cháu Bùi Minh Trí sinh ngày 22 tháng 10 năm 2016, giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H cấp dưỡng nuôi cháu Trí mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) kể từ tháng 04/2019 đến khi cháu Bùi Minh Trí đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác

Anh Bùi Tuấn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Tuấn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002526 ngày 27/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng. Anh H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND P. Quang Trung, Hải Dương (Số 35/2016 ngày 28/4/2016);
- Lưu.

**Lương Thị Thu Hà**